

Số: 192/2021/GELEX-CBTT

Hà Nội, Ngày 18 tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGĐCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“GELEX”) trân trọng công bố thông tin về Nghị quyết và Biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 18/06/2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/06/2021 tại đường dẫn: <https://gelex.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ
thường niên 2021

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Thị Phương



Số: 01/2021/GELEX/BB-DHĐCD

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

A- Tên doanh nghiệp, thời gian, địa điểm, thành phần Đại hội:

1. **Tên doanh nghiệp:** Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng công ty" hoặc "GELEX")

Trụ sở chính: 52 phố Lê Đại Hành – phường Lê Đại Hành – quận Hai Bà Trưng – Tp Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100100512

2. **Thời gian:** 08h40 ngày 18 tháng 06 năm 2021

3. **Địa điểm:**

- ĐHĐCD thường niên năm 2021 được tổ chức theo phương thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Do đó, địa điểm tham dự trực tuyến là bất kỳ địa điểm nào do cổ đông hoặc người được ủy quyền tự lựa chọn để có thể đăng nhập tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của Tổng Công ty.

- Điểm cầu tham dự của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, ban tổ chức Đại hội: Phòng họp Hội nghị, Tầng 8, Tòa nhà FPT Tower, số 10 đường Phạm Văn Bạch, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

4. **Thành phần tham dự:**

- Hội đồng quản trị Tổng công ty;

- Ban Tổng giám đốc Tổng công ty;

- Và tại thời điểm 08h40 ngày 18 tháng 06 năm 2021, có 200 cổ đông (bao gồm cả cổ đông dự họp và người nhận ủy quyền dự họp của cổ đông), đại diện cho 344.899.720 cổ phần, chiếm 70,64% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. (tại thời điểm ngày 18/6/2021, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 488.244.000 cổ phần)

- Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Theo đó, tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tại thời điểm này là: 344.899.720 phiếu.

B - Nội dung Đại hội:

I- Khai mạc, Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

1. Ông Lê Trung Lâm thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

2. Ông Đỗ Xuân Thắng - thay mặt Ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông và tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.



Đến 08h40 ngày 18 tháng 06 năm 2021, có 200 cổ đông (bao gồm cả cổ đông dự họp và người nhận ủy quyền dự họp của cổ đông), đại diện cho 344.899.720 phiếu biểu quyết, chiếm 70,64% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

II- Giới thiệu Chủ tọa, Đoàn Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội.

1. Ông Lê Trung Lâm thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu Chủ tọa Đại hội là ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
2. Ông Nguyễn Hoa Cương giới thiệu các thành viên cùng lên điều hành Đại hội gồm:
 - Ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT.
 - Ông Nguyễn Trọng Tiểu – Phó Chủ tịch HĐQT.
 - Ông Lương Thanh Tùng – Phó Chủ tịch HĐQT.
3. Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Thư ký Đại hội gồm:
 - Bà Đinh Thị Tĩnh - Ban thư ký Tổng công ty;
 - Bà Nguyễn Thị Phương – Phó GD Ban Pháp chế Tổng công ty.
4. Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tọa Đại hội giới thiệu các thành viên Ban Kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua gồm các ông/bà:
 - Ông Đỗ Xuân Thắng – Trưởng ban;
 - Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên;
 - Bà Nguyễn Thị Quyên – Thành viên.
5. Ông Nguyễn Hoa Cương trình bày Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 -2026 (như đính kèm Biên bản họp này) và thông báo thời điểm cuối cùng bỏ phiếu thông qua các nội dung này.

Kết quả biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 -2026 như sau:

Ghi chú: Kết quả do phần mềm tổng hợp và tỷ lệ % được làm tròn đến 2 số thập phân.

STT	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Danh sách Ban kiểm phiếu	344.961.220	344.961.220	0	344.182.022	0	779.198
			100%	0%	99,77%	0%	0,23%

2	Chương trình Đại hội	344.961.220	344.961.220	0	344.181.022	0	780.198
			100%	0%	99,77%	0%	0,23%
3	Quy chế làm việc Đại hội	344.961.220	344.961.220	0	344.182.022	0	779.198
			100%	0%	99,77%	0%	0,23%
4	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	344.961.220	344.961.220	0	344.182.022	0	779.198
			100%	0%	99,77%	0%	0,23%

Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng cho từng vấn đề như nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026.

III. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

Đại hội tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua hình thức bỏ phiếu bầu điện tử.

IV. Trình bày nội dung các Báo cáo:

1. Ông Lương Thanh Tùng trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, phương hướng kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021.
2. Ông Nguyễn Hoa Cương trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động 2021 và Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán.

V. Trình bày các Tờ trình ĐHĐCĐ:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu trình bày Tờ trình số 31/2021/GELEX/TTr - HĐQT về các vấn đề trình ĐHĐCĐ:

- Vấn đề 1: Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán,
- Vấn đề 2: Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020,
- Vấn đề 3: Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2021;
- Vấn đề 4: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021;
- Vấn đề 5: Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- Vấn đề 6: Giao dịch mua bán vật tư và cho vay đối với các đơn vị thành viên thuộc hệ thống GELEX;
- Vấn đề 7: Thay đổi tên công ty;
- Vấn đề 8: Sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Vấn đề 9: Tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

Tiếp theo, Ông Nguyễn Trọng Tiểu trình bày Tờ trình số 37/2021/GELEX/TTr - HĐQT ngày 11/6/2021 về việc cho phép ông Nguyễn Văn Tuấn được mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu GEX mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

VI. Đại hội tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến cho nội dung các Báo cáo và các vấn đề cần trình:

Mã cổ đông	Câu hỏi	Nội dung trả lời của Đoàn chủ tọa
01024	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021 ở mức 1.285 tỷ giảm so với kế hoạch sơ bộ đặt ra cuối năm 2020 ở mức 1.800 tỷ. Xin Đại hội cho biết nguyên nhân kế hoạch lợi nhuận được điều chỉnh giảm. Kế hoạch này tương ứng mức lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là bao nhiêu?	Kế hoạch sơ bộ 2021 lập vào tháng 12/2020 được nội bộ xây dựng, trong đó có tính đến khoản đánh giá lại từ việc hợp nhất VGC. Tuy nhiên, sau khi tăng tỷ lệ sở hữu tại VGC, Tổng công ty làm việc với đơn vị kiểm toán. Trên cơ sở ý kiến tư vấn, khuyến nghị của Đơn vị kiểm toán, tính hợp lý và phù hợp về các quy định hiện hành, HĐQT đã xem xét và điều chỉnh khoản lợi nhuận đánh giá lại từ việc hợp nhất VGC để không tạo quá nhiều đột biến từ nghiệp vụ hợp nhất cũng như đảm bảo tốc độ tăng trưởng đều của Tổng công ty trong các năm tới, trình ĐH xem xét thông qua.
03112	Kế hoạch IPO các Công ty Sub-Holding? Gelex có kế hoạch M&A thêm lĩnh vực nào nữa không?	Tài liệu trình ĐHCĐ đã ghi nhận về kế hoạch IPO các Công ty sub-holding. Mục tiêu là để huy động thêm vốn phục vụ đầu tư phát triển thời gian tới, giảm hệ số nợ cho hệ thống và hiện thực hóa một phần kết quả đẩy mạnh đầu tư thời gian qua. Hiện Tổng công ty đang lên phương án định giá GELEX Electric và phương án IPO có hiệu quả nhất cho mảng hoạt động này. Đối với mảng Hạ tầng (GELEX Hạ tầng), Tổng công ty đang làm việc nội bộ để xây dựng bức tranh tổng thể chung cho Group giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở đó lựa chọn phương án IPO hiệu quả nhất cho Tổng công ty và cổ đông.
03112	Kế hoạch sắp tới của GEX về việc mua phần vốn còn lại tại VGC của Bộ Xây dựng như thế nào? GELEX dự kiến tái cấu trúc VGC như thế nào trong thời gian tới?	Việc thoái vốn nhà nước ở VGC thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Bộ xây dựng. Hiện Bộ xây dựng đang trình Chính phủ về việc thoái VGC trong năm 2022. Tuy nhiên, với nhiệm kỳ mới của Chính phủ và tình hình dịch bệnh đang diễn ra, nên chưa triển khai. Bộ KHĐT đang trình phương án từ phương án Bộ xây dựng để trình Thủ tướng phương án thoái. Đối với mảng VLXD: VGC tập trung đầu tư, mở rộng mảng kính xây dựng và gạch ốp lát thông qua M&A. Đối với mảng BDS khu công nghiệp tập trung phát triển thêm các dự án KCN mới, gắn liền với phát triển khu đô thị vệ tinh; cải thiện Lợi nhuận gộp.

03112	<p>Kế hoạch đầu tư cho điện gió chiếm khá lớn? Có đảm bảo được tiến độ để đạt được giá ưu đãi của nhà nước không?</p>	<p>Tiến độ của các dự án điện gió phụ thuộc chính vào hai yếu tố là điều kiện đấu nối và tiến độ thi công. Về điều kiện đấu nối: dự kiến tháng 7 hoàn thành. Về tiến độ thi công: Đã hoàn thành việc xây dựng. Đang triển khai kế hoạch lắp đặt thiết bị. Như vậy dự kiến tháng 9/2021 có thể hoàn thành các dự án điện gió.</p> <p>Năm 2021, dự kiến hệ thống điện VN sẽ có thêm 5500-6000 MW điện gió được đưa vào hoạt động >> tạo thêm áp lực giảm phát và sa thải công suất cục bộ trong ít nhất 1-3 năm tới, theo đó để giảm thiểu rủi ro cho danh mục, giảm hệ số nợ cho Nhóm công ty và hiện thực hóa một phần lợi nhuận từ tài sản được đầu tư >>> GELEX đang xem xét giảm quy mô công suất mảng điện gió khoảng 50 MW trong năm 2021.</p>
03182	<p>Tình hình SXKD 6 tháng năm 2021, dịch covid có ảnh hưởng gì không? Kết quả đó so với kế hoạch năm 2021 đặt ra thì như thế nào?</p>	<p>Các doanh nghiệp SX công nghiệp nói chung chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh covid và tăng giá nguyên vật liệu/dịch vụ vận tải. Tuy nhiên, GELEX đã nhìn nhận từ cuối năm 2019 về tình hình này, do đó, đã có những HĐ dài hạn. GELEX bị ảnh hưởng nhất định về giá nguyên liệu, về tiến độ công tác, nhân lực thực hiện nhưng việc đứt gãy cung ứng là không xảy ra. Nếu giá nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục đá tăng như thời gian qua thì GELEX có thể sẽ phải tăng giá thành phẩm. Đồng thời, công ty cũng phải cân đối một cách thận trọng về sự chấp nhận của thị trường, đảm bảo tăng trưởng doanh thu, kế hoạch sản xuất, việc làm của người lao động, giữ được thị phần và lợi nhuận cho cổ đông.</p>
03182	<p>Tình hình Covid ảnh hưởng như thế nào tới mảng kinh doanh thiết bị điện. Sự biến động của giá đồng tăng, công ty cadivi có tăng giá bán hay không ?</p>	<p>Tổng công ty dự kiến đạt doanh thu 6 tháng năm 2021 là 12,234 tỷ đồng, tăng 67,3% so với 6 tháng năm 2020, và đạt 42,9% KH năm 2021.</p>
09488	<p>Ảnh hưởng của biến động giá Nguyên vật liệu (giá đồng...), cũng như việc đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt container và chi phí vận tải tăng cao đến hoạt động kinh doanh mảng sản xuất công nghiệp của GEX như thế nào, công ty làm cách nào để quản trị rủi ro và giảm thiểu những tác động không tốt đến hoạt động kinh doanh?</p>	<p>- Mảng Electric: doanh thu dự kiến 6 tháng năm 2021 đạt 9092 tỷ tăng 49,8% so với cùng kỳ 2020 và chiếm 53,3% so với KH năm 2021.</p> <p>- Mảng Hạ tầng: Doanh thu 6 tháng năm 2021 dự kiến đạt 456 tỷ, tăng 17,6% so với năm 2020 và đạt 41,9% so với KH 2021.</p>

09488	Việc quá tải công suất truyền tải có ảnh hưởng đến các dự án điện của GELEX không? Nếu có thì tác động ảnh hưởng thế nào (có thể chia sẻ ảnh hưởng đến dự án nào trong hiện tại và tương lai của GELEX)?	GELEX khi đầu tư năng lượng tái tạo đã nghiên cứu kỹ các vị trí và phụ tải các khu vực. Các dự án vận hành gồm dự án nhà máy Ninh Thuận và các dự án điện mái, các dự án đang triển khai bao gồm 05 dự án điện gió tại Quảng Trị với tổng công suất 140mW. Cập nhật dự án tại Ninh Thuận trong 6 tháng đầu năm đã vượt 57% doanh thu. Các dự án điện tái tạo không ảnh hưởng. Việc quá tải công suất truyền tải không ảnh hưởng đến các dự án này. Đối với các dự án điện gió chuẩn bị đưa vào vận hành của GELEX, hiện có nhiều nhà đầu tư quan tâm. GELEX đang xem xét giảm quy mô 50mW, giữ lại 90 mW.
09488	Tôi có đọc trên báo thấy GELEX có ý định tham gia vào đợt phát hành riêng lẻ của NLG, đề nghị HĐQT có thể chia sẻ thêm thông tin, lí do tham gia mua phát hành riêng lẻ của NLG? Công ty tham gia mua 15 triệu ở mức giá nào, liệu khoảng đầu tư này có hiệu quả không?	Mảng BĐS là định hướng chiến lược dài hạn của GELEX. Do đó GELEX đang tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Nam Long là một đối tác và đang trong quá trình trao đổi, tìm kiếm và đánh giá cơ hội đầu tư.
05371	Trong vòng 3 năm tới, kế hoạch đầu tư và M&A của GEX sẽ phân bổ như thế nào đối với 3 mảng (1) thiết bị điện; (2) hạ tầng năng lượng và (3) khu công nghiệp?	GELEX có mảng SX Công nghiệp và mảng Hạ tầng (BDS KCN 2021-2025 BDS KCN và Thương mại). & Mảng điện (sẽ bao gồm, nguồn điện, điện mặt trời, điện gió và dự kiến điện gió ngoài khơi). Trong đó, tăng tỷ trọng đầu tư lớn cho mảng BDS KCN gắn liền với BDS đô thị và thương mại dịch vụ; giảm quy mô danh mục nguồn điện hiện hữu và tập trung công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án điện gió ngoài khơi; tiếp tục đầu tư thích đáng cho mảng sản xuất thiết bị điện.
01691	Vi sao việc giao dịch cổ phiếu của Tổng Giám đốc và người có liên quan vượt quá 35% không phải báo cáo. Xin giải thích điều này.	Cùng với các cổ đông khác, ông Nguyễn Văn Tuấn mong muốn được đầu tư dài hạn cổ phiếu GEX. Nếu mua trên 35% thì phải thực hiện thủ tục chào mua công khai, tuân theo các bước thủ tục mất nhiều thời gian. Do vậy, cổ đông trình ĐHCĐ thông qua việc mua cổ phiếu GEX với hai đối tác công ty chứng khoán mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. Việc trình này đã tuân thủ quy định mới của Luật Chứng khoán 2019. Các giao dịch mua bán vẫn phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

VII. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

VIII. Báo cáo kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 và kết quả biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội

1. Kết quả bầu cử như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	365.650.551
2	Ông Nguyễn Hoa Cường	342.468.471
3	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	322.450.051
4	Ông Võ Anh Linh	322.450.551
5	Ông Nguyễn Trọng Hiền	319.450.551
6	Ông Lương Thanh Tùng	317.450.551
7	Ông Đậu Minh Lâm	312.400.551

Như vậy, với kết quả bầu như nêu trên, ứng cử viên đã trúng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 là các Ông có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn
2. Ông Nguyễn Hoa Cường
3. Ông Nguyễn Trọng Tiểu
4. Ông Võ Anh Linh
5. Ông Nguyễn Trọng Hiền
6. Ông Lương Thanh Tùng
7. Ông Đậu Minh Lâm

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 ra mắt Đại hội.

2. Kết quả biểu quyết cho các Báo cáo và Tờ trình như sau:

Ghi chú: Kết quả do phần mềm tổng hợp và tỷ lệ % được làm tròn đến 2 số thập phân.

STT	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021	345.654.022	345.654.022	0	344.886.482	21.000	746.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
2	Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động 2021	345.654.022	345.654.022	0	344.886.482	20.000	747.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%

3	Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán	345.654.022	345.654.022	0	344.887.482	20.000	746.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
4	Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	345.654.022	345.654.022	0	344.887.482	20.000	746.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
5	Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020 theo mục Vấn đề 2 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TT- HĐQT	345.654.022	345.654.022	0	344.885.982	20.000	748.040
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
6	Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2021 theo mục Vấn đề 3 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TT- HĐQT	345.654.022	345.654.022	0	344.805.982	20.000	828.040
			100%	0%	99,75%	0,01%	0,24%
7	Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 theo mục Vấn đề 4 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TT- HĐQT	345.654.022	345.654.022	0	337.139.067	629.290	7.885.665
			100%	0%	97,54%	0,18%	2,28%
8	Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo mục Vấn đề 5 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TT- HĐQT	345.654.022	345.654.022	0	344.887.482	20.000	746.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
9	Giao dịch mua bán vật tư và cho vay đối với các đơn vị thành viên thuộc hệ thống GELEX theo mục Vấn đề 6 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TT- HĐQT	345.654.022	345.654.022	0	343.826.036	1.079.946	748.040
			100%	0%	99,47%	0,31%	0,22%
10	Thay đổi tên công ty theo mục Vấn đề 7 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TT- HĐQT	345.654.022	345.654.022	0	344.886.482	20.000	747.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
11	Sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo mục Vấn đề 8 Tờ trình số:	345.654.022	345.654.022	0	344.887.482	20.000	746.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%

	31/2021/GELEX/TTr-HDQT						
12	Tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo mục Vấn đề 9 Tờ trình số: 31/2021/GELEX/TTr-HDQT	345.654.022	345.654.022	0	344.887.482	20.000	746.540
			100%	0%	99,78%	0,01%	0,22%
13	Cho phép ông Nguyễn Văn Tuấn được mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu GEX mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.	203.118.737	203.118.737	0	186.469.326	14.842.925	1.806.486
			100%	0%	91,80%	7,31%	0,89%

Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng cho từng vấn đề như nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua các Báo cáo và Tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.

IX. Thông qua Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021:

1. Bà Đinh Thị Tinh - thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Kết quả biểu quyết như sau:

Ghi chú: Kết quả do phần mềm tổng hợp và tỷ lệ % được làm tròn đến 2 số thập phân.

STT	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Biên bản Đại hội	345.654.022	345.654.022	0	344.630.577	0	1.023.445
			100%	0%	99,7%	0%	0,3%
2	Nghị quyết Đại hội	345.654.022	345.654.022	0	344.630.577	0	1.023.445
			100%	0%	99,7%	0%	0,3%

Như vậy, với tỷ lệ tán thành như nêu trên, tại Đại hội, Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được biểu quyết thông qua.

X. Ông Nguyễn Hoa Cương tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
bắt đầu vào hồi 14h ngày 18/06/2021.

TM/ĐOÀN THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Đinh Thị Tinh



Nguyễn Hoa Cương





**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

STT	Mã số dự họp	CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN
1	01127	15.300
2	00840	24.700
3	05252	1.000
4	00295	110.000
5	06094	500
6	04442	1.300
7	00980	20.000
8	00344	95.002
9	00862	23.000
10	00437	60.800
11	00893	21.000
12	01190	14.100
13	07029	300
14	00776	26.600
15	00980	26.000
16	02181	5.000
17	00228	158.700
18	01124	15.700
19	00356	86.100
20	04216	1.500
21	00444	60.000
22	00377	80.000
23	00155	260.000
24	00519	50.000
25	03279	2.560
26	05593	800
27	04774	1.000
28	00447	60.000
29	04789	1.000
30	00060	1.120.100
31	00123	392.300
32	01027	19.451
33	03182	3.000
34	10130	3
35	00142	300.000
36	00076	894.877
37	00022	4.101.239
38	00030	3.000.000
39	00015	6.085.285
40	00020	4.594.000
41	00120	400.000
42	00201	200.000
43	00103	507.400

STT	Mã số dự họp	CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN
44	00044	1.744.505
45	00067	1.000.000
46	00029	3.246.810
47	00152	275.700
48	00032	2.910.800
49	00981	20.000
50	00027	3.452.700
51	00049	1.288.887
52	00218	170.000
53	00043	1.836.400
54	00033	2.893.442
55	00978	20.000
56	00024	3.844.534
57	00031	2.982.765
58	00252	140.000
59	03141	3.000
60	00457	58.100
61	00654	35.190
62	00091	608.290
63	00146	297.220
64	00061	1.105.200
65	09816	6
66	00276	119.232
67	09682	7
68	10354	1
69	00016	6.033.925
70	00001	64.950.000
71	00004	15.000.000
72	00002	56.500.000
73	05570	800
74	00018	5.171.854
75	00066	1.000.060
76	00126	363.000
77	00139	315.000
78	00081	786.600
79	00320	100.000
80	01793	7.400
81	00148	280.000
82	00471	52.006
83	06112	500
84	00005	12.299.905
85	00277	119.025
86	00097	540.000



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

STT	Mã số dự họp	CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN
87	00062	1.100.000
88	00134	328.000
89	00021	4.500.000
90	01444	10.000
91	00101	510.009
92	04367	1.400
93	04978	1.000
94	00595	40.000
95	00013	6.201.500
96	01353	10.000
97	00026	3.631.200
98	05490	952
99	00115	415.600
100	01098	16.700
101	08907	55
102	00025	3.716.019
103	00048	1.464.626
104	03883	2.000
105	00285	114.000
106	00089	630.000
107	00319	100.000
108	00204	198.308
109	00011	7.136.231
110	00003	22.169.305
111	00301	105.000
112	05477	698
113	00007	9.077.887
114	00591	40.000
115	00064	1.073.795
116	00602	40.000
117	00310	101.380
118	00316	100.001
119	00612	40.000
120	00106	500.000
121	01024	19.700
122	00009	7.680.000
123	00012	6.648.140
124	00023	3.947.600
125	00006	10.147.990

STT	Mã số dự họp	CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN
126	06686	400
127	00070	1.000.000
128	00507	50.000
129	09488	10
130	01623	9.045
131	00653	35.200
132	02086	3.000
133	00481	50.000
134	00766	27.360
135	00482	50.000
136	00217	170.000
137	00059	1.125.583
138	00037	2.340.000
139	00121	400.000
140	00073	930.000
141	00189	203.806
142	00088	637.000
143	00078	841.800
144	00518	50.000
145	00920	20.000
146	00086	661.500
147	00284	114.605
148	00162	250.000
149	00315	100.004
150	00179	234.530
151	05872	600
152	00704	30.000
153	00113	423.500
154	00582	40.000
155	00492	50.000
156	00077	870.600
157	00191	200.598
158	00585	40.000
159	00207	189.500
160	00093	580.000
161	00143	300.000
162	00605	40.000
163	00095	565.000
164	00341	96.800

TY C
EN
MA

GELEX**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

STT	Mã số dự họp	CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN
165	00223	163.409
166	01450	10.000
167	00038	2.325.292
168	00063	1.075.000
169	00057	1.129.400
170	01332	11.300
171	00288	112.900
172	00065	1.045.706
173	00068	1.000.000
174	00325	100.000
175	00050	1.270.000
176	00234	153.400
177	00056	1.140.000
178	00190	200.808
179	00074	910.200
180	00154	266.000
181	00053	1.207.270
182	00051	1.269.000
183	00676	33.214
184	00533	45.400
185	00119	400.000
186	00058	1.127.250
187	00171	245.000
188	00327	100.000
189	00069	1.000.000
190	00079	800.000
191	06287	500
192	00600	40.000
193	00041	1.933.500
194	00221	165.000
195	00034	2.659.900
196	00052	1.250.000
197	00196	200.000
198	00124	380.000
199	00329	100.000
200	00549	44.000
201	00112	432.600
202	00071	975.000
203	00178	235.800

STT	Mã số dự họp	CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN
204	00199	200.000
205	00232	155.000
206	00409	70.000
207	00735	30.000
208	00554	40.000
209	00699	30.002
210	00160	254.405
211	01691	8.200
212	00494	50.000
213	00625	40.000
214	00709	30.000
215	05558	900
216	00503	50.000
217	00593	40.000
218	00414	67.774
219	00394	74.000
220	07872	165
221	09529	9
222	01477	10.000
Tổng cộng		345.669.322



Số: 02-/2021/GELEX/NQ- ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ngày 18 tháng 6 năm 2021.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (“GELEX”)

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021- 2026 và Kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026. Căn cứ theo kết quả bầu cử, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 của GELEX bao gồm các Ông có tên sau:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn
2. Ông Nguyễn Hoa Cương
3. Ông Nguyễn Trọng Tiểu
4. Ông Võ Anh Linh
5. Ông Lương Thanh Tùng
6. Ông Nguyễn Trọng Hiến
7. Ông Đậu Minh Lâm

Điều 2. Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các Báo cáo sau:

1. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2020 và phương hướng kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021;
3. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán.

Điều 3. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán).

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	715.463.179.370
	Trong đó:	

1	Lợi nhuận sau thuế từ năm trước chuyển sang	167.192.920.116
2	Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo riêng năm 2020	548.270.259.254
II	Lợi nhuận đề nghị phân phối	707.944.120.000
	<i>Trong đó:</i>	
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.872.760.000
2	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu – Tỷ lệ 9% (*)	703.071.360.000
III	Lợi nhuận để lại	7.519.059.370

(*) Tỷ lệ tính trên vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất tăng vốn cho cổ đông hiện hữu năm 2021. Nếu tính trên vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2020 - tỷ lệ là 14% - cao hơn kế hoạch được duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 là 10%.

Điều 5. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Về sản xuất kinh doanh		
-	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	28.540
-	Lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất	"	1.285
-	Chi trả cổ tức (tối đa)	%/năm	10
2	Thù lao HĐQT và Ủy ban kiểm toán		
-	Thù lao HĐQT và Ủy ban kiểm toán	Tỷ đồng	8,81
3	Quỹ thưởng HĐQT và Ban điều hành		
	Trong trường hợp Lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt so với kế hoạch	% phần lợi nhuận vượt kế hoạch	20

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2021:

1. Tên đơn vị: **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

2. Tên đơn vị: **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3. Tên đơn vị: **Công ty TNHH KPMG – Văn phòng Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 46, tòa tháp Keangnam Landmark, số 72 lô E6, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điều 7. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:

1. Mục đích phát hành cổ phiếu	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020
2. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
3. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 70.307.136 cổ phiếu (Việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sẽ thực hiện sau khi Tổng công ty hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 06/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2020 của ĐHĐCĐ Tổng Công ty. Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế để trả cổ tức sẽ căn cứ vào tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Tổng Công ty sau

	khí hoàn tất đợt chào bán nói trên).
6. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	Tối đa 703.071.360.000 đồng
7. Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để trả cổ tức do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định
8. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	9%
9. Phương thức phát hành	Phương thức thực hiện quyền
10. Tỷ lệ thực hiện quyền	100:9 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 09 cổ phiếu mới)
11. Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh khi làm tròn	Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 590 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(590 : 100) \times 9 = 53,1$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 53 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.</i>
12. Nguồn vốn phát hành	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31/12/2020
13. Thời gian dự kiến phát hành	Sau khi Tổng Công ty hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng (Dự kiến quý 3-quý 4 năm 2021)
14. Đăng ký, lưu ký bổ sung tại VSD, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm	Thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung tại VSD, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo Phương án nêu trên ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành
15. Hạn chế chuyển nhượng	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án nêu trên không bị hạn chế chuyển nhượng.
16. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị	Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật và quyết định các nội dung, công việc, vấn đề phát sinh để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu gửi cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp các cơ quan này yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Lựa chọn thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền

MCI 2021 1511

	<p>thích hợp sau khi UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Tổng Công ty</p> <p>Thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo Phương án đã nêu ở trên ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành</p> <p>Chủ động sửa đổi, bổ sung điều lệ hoạt động của Tổng Công ty theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và báo cáo Đại hội cổ đông tại cuộc họp gần nhất</p> <p>Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung Đăng ký doanh nghiệp với Sở kế hoạch đầu tư sau khi hoàn tất đợt phát hành, công bố thông tin theo quy định của pháp luật</p> <p>Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT hiệu chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu, nội dung liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nêu trên, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; và tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.</p>
--	--

Điều 8. Thông qua giao dịch mua bán vật tư và cho vay đối với các công ty thành viên trong hệ thống GELEX như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GELEX và các công ty thành viên trong năm 2020 như sau:
 - Giao dịch mua sắm vật tư, nguyên liệu, tổng giá trị là: **2.855.156.755.462** đồng.
 - Giao dịch cho công ty thành viên vay để đầu tư trong năm, tổng số tiền là: **6.605.171.008.134** đồng. Số dư cho vay tại thời điểm 31/12/2020 là **2.296.204.346.054** đồng.
2. Kế hoạch năm 2021:
 - 2.1 Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và chấp thuận đối với các hợp đồng, giao dịch giữa GELEX với các công ty thành viên trong hệ thống GELEX trong giai đoạn từ ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 bao gồm các giao dịch/hợp đồng mua bán vật tư, nguyên vật liệu, vay và cho vay có giá trị từ 35% trở lên hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của GELEX ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - 2.2 Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của GELEX, báo cáo kết quả thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 9. Thông qua việc thay đổi tên công ty như sau:

1. Nội dung thay đổi tên công ty:
 - Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX**
 - Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi: **GELEX GROUP JOINT STOCK COMPANY**

- Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi: TẬP ĐOÀN GELEX
- 2. Điều lệ sửa đổi mới được ban hành phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 cùng các văn bản hướng dẫn liên quan theo Điều 10 của Nghị Quyết này. Trong đó, đã ghi nhận tên doanh nghiệp sau khi thay đổi.
- 3. Giao cho ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của GELEX, có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết về đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty theo Phụ lục số 01 _ Bảng danh sách nội dung chính được sửa đổi bổ sung và toàn văn bản Điều lệ sửa đổi được đính kèm Nghị Quyết này;
2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị của Tổng Công ty theo Phụ lục số 02 _ Bảng danh sách nội dung chính được sửa đổi bổ sung và toàn văn bản Quy chế sửa đổi như được đính kèm Nghị Quyết này;
3. Thông qua toàn văn dự thảo và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như đính kèm Nghị Quyết này.
Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành mới, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

Điều 11. Thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 06/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2020.

Điều 12. Thông qua việc Ông Nguyễn Văn Tuấn được mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu GEX mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai như sau:

- a) Cho phép Ông Nguyễn Văn Tuấn – Cổ đông hiện hữu của GELEX đồng thời là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị GELEX được mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu GEX mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định theo các thông tin giao dịch dự kiến như sau:
 - Bên nhận chuyển nhượng: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Cổ đông hiện hữu của GELEX đồng thời là Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị GELEX. *(Ông Nguyễn Văn Tuấn cùng cá nhân, tổ chức có liên quan đang nắm giữ 34,09% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của GELEX)*
 - Bên chuyển nhượng:
 - ✓ Công ty cổ phần chứng khoán Everest; và/hoặc
 - ✓ Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
 - Phương thức chuyển nhượng: giao dịch thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.
 - Thời gian thực hiện: Sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2021 của GELEX thông qua.
 - Trường hợp Bên nhận chuyển nhượng mua số lượng cổ phiếu GEX từ Bên chuyển nhượng dẫn đến Bên nhận chuyển nhượng cùng với cá nhân, tổ chức có liên quan sở hữu đạt hoặc vượt mức 35% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của GELEX tại thời điểm hoàn tất giao dịch thì Bên nhận chuyển nhượng không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.
- b) Việc chuyển nhượng cổ phiếu GEX giữa Ông Nguyễn Văn Tuấn và người có liên quan của Ông Nguyễn Văn Tuấn với nhau không làm thay đổi tổng tỷ lệ sở hữu cũng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định.

Điều 13. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- Các cổ đông;
- HĐQT;
- UB Chứng khoán NN;
- VSD, SGDCK;
- Lưu VP TCTY.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Nguyễn Hoa Cương



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX

(sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ,
ngày 18 tháng 06 năm 2021)

Hà Nội, tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7	
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	24
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	29

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 31. Thường trực Hội đồng quản trị.....	39
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	41
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty.....	41
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp.....	42
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	42
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng.....	44
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	44
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	46
CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	46
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	46
CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	47
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	47
CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	48
Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....	48
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	49
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 44. Năm tài chính.....	49
Điều 45. Chế độ kế toán.....	49
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	49
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	49
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	50
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	50
Điều 48. Kiểm toán.....	50
CHƯƠNG XVI. CON DẤU.....	50
Điều 49. Con dấu.....	50
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	50

Điều 50. Chấm dứt hoạt động	50
Điều 51. Thanh lý.....	51
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	51
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	51
CHƯƠNG XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON.....	52
Điều 53. Mối quan hệ giữa Công ty và công ty con.....	52
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	53
Điều 54. Điều lệ Công ty.....	53
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX thông qua chính thức tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 28 tháng 11 năm 2010, được sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 18 tháng 06 năm 2021.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - i. "Công ty" là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX ("TẬP ĐOÀN GELEX")
 - j. "Công ty con" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; hoặc
 - Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó; hoặc
 - Công ty có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
 - k. "Công ty liên kết" là công ty trong đó (i) TẬP ĐOÀN GELEX nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết nhưng không phải là công ty con hoặc (ii) các trường hợp khác theo quy định pháp luật liên quan.
 - l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- m. “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của văn bản hay quy định đó.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX**
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **GELEX Group Joint Stock Company**
Tên Công ty viết tắt: **TẬP ĐOÀN GELEX**
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.39726245 - 024.39726246
Fax: 024.39 726 282
E-mail: gelex@gelex.vn
Website: www.gelex.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh và hoạt động của Công ty
 - a. Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và/hoặc trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:
 - Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;

- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 kV;
 - Thi công, lắp đặt công trình xây dựng, trạm biến áp đến 220 kV;
 - Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
 - Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
 - Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;
 - Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
 - Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện)
 - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn hỗ trợ đầu tư)
- b. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.882.440.000.000 VNĐ (bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm tám mươi hai tỷ bốn trăm bốn mươi triệu Đồng Việt Nam).
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 488.244.000 (Bốn trăm tám mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, các cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết hoặc đăng ký nhưng không thanh toán tiền mua sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể chào bán, phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP);
 - d. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền);
 - e. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từng lần.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
3. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.Cổ đông thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt chào bán/phát hành và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường khi pháp luật cho phép hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

Không áp dụng

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị; (có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị).
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán chuyển ngành;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến chính cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/ số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề

theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp

theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Thông qua Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - d) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - e) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - i) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - j) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - l) Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
 - m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

- o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - p) Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán với giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể được lập theo mẫu của Công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp pháp của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Công ty được miễn trừ mọi nghĩa vụ pháp lý liên quan đến việc gian dối, giả mạo giấy ủy quyền (nếu có). Các quyết định của ĐHĐCĐ đã được thông qua vẫn giữ nguyên hiệu lực trong trường hợp có sự gian dối, giả mạo giấy ủy quyền.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75%

tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

- e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - g. Lập thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - h. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, những cá nhân, tổ chức không phải là cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông hoặc khách mời hoặc người trong ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chỉ được tham dự Đại hội khi có sự đồng ý của người triệu tập cuộc họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ hay không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
8. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
10. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.
12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
13. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
- Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội");
 - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
15. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
16. Công ty được áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung liên quan được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trường hợp này, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp xin chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại, giải thể Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để cổ đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến của Công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc sổ giấy tờ pháp lý khác của

- cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu tổ chức có con dấu);
 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 6. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
 7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của người phụ trách quản trị Công ty hoặc Chủ tịch Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trưởng họp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.
3. Trường hợp tổng số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy

chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời điểm do Hội đồng quản trị đề xuất và Hội đồng quản trị được tổ chức triển khai các thủ tục đề cử, ứng cử theo số lượng đề xuất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức thì đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong thời gian chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thành viên này vẫn phải tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
- c. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ này;
- d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp Công ty;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác;

- g. Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
 - h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
 - i. Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;
 - j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
 - m. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - o. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;
 - p. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;
 - q. Trình báo cáo tài chính năm của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
 - s. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - t. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - u. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, phần vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;

- c. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.
 - d. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - e. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - f. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - g. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6. Quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị:
- Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ nói chung của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm thành viên Ủy ban kiểm toán có các trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ

định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường
Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề

ngợi bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo mời họp
Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Điều kiện tiến hành họp
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ

nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. **Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến**

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. **Hình thức biểu quyết**

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. **Biểu quyết**

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
12. Công khai lợi ích
- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Nguyên tắc biểu quyết đa số
- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời

hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 31. Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị, bao gồm một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị cử ra nếu xét thấy cần thiết để thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết, quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp và/hoặc xử lý các công việc, giao dịch theo phân quyền chi tiết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Hội đồng quản trị chỉ định một trong số các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị làm Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị.
2. Thường trực Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm cá nhân. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của mình theo nguyên tắc:
 - a. Các quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị thông qua theo các phương thức sau:

- i. Các thành viên bản bạc dân chủ tại cuộc họp trực tiếp; hoặc
- ii. Được tổ chức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản (gửi thư/văn bản lấy ý kiến qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp, hoặc thông qua hệ thống thư điện tử (email) của Công ty); hoặc
- iii. Được tổ chức họp qua điện thoại có ghi âm; hoặc
- iv. Các hình thức họp khác phù hợp với quy định pháp luật; hoặc
- v. Tổng hợp một số phương thức trên.

Nguyên tắc tổ chức họp trực tiếp, họp qua hội nghị trực tuyến hoặc lấy ý kiến từ xa bằng văn bản của Thường trực Hội đồng quản trị được áp dụng tương tự như đối với trường hợp họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

- b. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định theo đa số, trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu biểu quyết nhất trí, tán thành của Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị/thành viên được Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị ủy nhiệm chủ tọa phiên họp là quyết định được thông qua.
 - c. Quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản/email/hội nghị trực tuyến có giá trị hiệu lực như đối với quyết định được thông qua trực tiếp tại cuộc họp Thường trực Hội đồng quản trị, với điều kiện các cuộc họp hoặc lấy ý kiến đó được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật liên quan.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị:
- a. Thường trực Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị thường xuyên nắm tình hình hoạt động của Công ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị;
 - b. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực hiện các nghị quyết/quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị;
 - c. Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn để báo cáo hoặc cùng đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị ra quyết định;
 - d. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này.
2. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng nên đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc (nếu cần thiết), Kế toán trưởng, các Giám đốc chuyên môn, và các chức danh quản lý khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn phí để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này

và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; quyết định các giao dịch/hợp đồng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; quyết định các giao dịch/hợp đồng được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao/ủy quyền/phân quyền; Công ty tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Trong Quý IV hàng năm, trình Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những Công ty thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Việc cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng vừa nêu trên tuân theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
- a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - i. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm a Khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
 - c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:
 - i. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm a Khoản này có giá trị từ 35% trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
 - ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay (nếu được phép theo quy định về quản trị công ty đại chúng), bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục i và ii của điểm c nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết hợp đồng, giao

dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 21 và Khoản 10 Điều 22 Điều lệ này.

- d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền, đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến chính cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo bản

- gốc giấy ủy quyền của cổ đông mà người đại diện hoặc bán sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu quan trọng khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.
 4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
 5. Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.

Công ty tạo điều kiện để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất. Khi có nhu cầu xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan, cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải gửi văn bản đề nghị đến Công ty trong giờ làm việc. Văn bản đề nghị nêu rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, thông tin cần xem xét/ trích lục/sao chép, lý do đưa ra đề nghị. Công ty có quyền không cung cấp các thông tin cá nhân (như Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng ...) để bảo đảm bảo mật thông tin cá nhân của người kê khai và người có liên quan của người kê khai.

CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Trong trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo

các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.
2. Công ty phải lập báo cáo tài chính sáu tháng, và báo cáo tài chính quý theo Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.
3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố thông tin và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

- Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - Nợ thuế;
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (a) đến Điểm (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty, xảy ra giữa:
 - Cổ đông với Công ty;
 - Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong

vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm toán nội bộ chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Điều 53. Mối quan hệ giữa Công ty và công ty con

1. Công ty và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình;
2. Công ty sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa Công ty và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của Công ty trực tiếp thay mặt Công ty quản lý các khoản vốn góp của Công ty tại công ty con trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.
4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do Công ty ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.
6. Công ty thực hiện quyền của cổ đông tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của công ty con.

7. Công ty thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của Công ty tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của Công ty tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của Công ty đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ Công ty, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của Công ty về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa Công ty với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.
8. Công ty và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 55 Điều có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX nhất trí thông qua sửa đổi và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này vào ngày 18 tháng 06 năm 2021. Đối với các thông tin liên quan đến tên mới của Công ty nêu tại Điều lệ này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày được Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở KHĐT Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi ghi nhận tên mới.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX

(Ban hành lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
theo Nghị quyết số 02./2021/GELEX/NQ-DHĐCĐ ngày 18 tháng 06 năm 2021)

Hà Nội, tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo	2
Điều 3. Danh mục viết tắt và giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Trách nhiệm pháp lý và nguyên tắc hoạt động của HĐQT	3
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	3
Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	4
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	4
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	4
Điều 9. Chủ tịch HĐQT	5
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	5
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	6
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	6
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	7
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch có liên quan	7
Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	8
Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	9
Điều 17. Cuộc họp HĐQT	9
Điều 18. Biên bản họp HĐQT	12
CHƯƠNG IV. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 19. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	13
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	14
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	14
Điều 23. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc	15
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	15
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	15
Điều 26. Hiệu lực	15

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo

1. Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (gọi tắt là "Luật Doanh nghiệp");
2. Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX;
6. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX;
7. Các tài liệu liên quan khác.

Điều 3. Danh mục viết tắt và giải thích từ ngữ

1. TẬP ĐOÀN GELEX/Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX.
2. Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
3. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty.
4. HĐQT: Hội đồng quản trị của Công ty.
5. Thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
6. Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
8. Quy chế quản trị nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.
9. Quy chế: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
7. Các thuật ngữ chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và quy định pháp luật liên quan. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.

Điều 4. Trách nhiệm pháp lý và nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra trên nguyên tắc bầu đồng phiếu, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện mọi vấn đề liên quan đến quyền hạn và lợi ích của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT được quyền sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với hoạt động và sự phát triển của Công ty.
3. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị được quyền phân cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện một phần quyền hạn của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho việc vận hành và ra quyết định được nhanh chóng, hiệu quả và có kiểm soát.
4. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc và/hoặc các cá nhân có liên quan khác tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của HĐQT.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết;
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo quy định pháp luật.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do các văn bản nội bộ khác của Công ty quy định.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là từ 05 đến 07 người. Số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm do HĐQT đề xuất và HĐQT được tổ chức triển khai các thủ tục đề cử, ứng cử theo số lượng đề xuất.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT tại Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên HĐQT nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty;
3. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ;
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.
2. Trường hợp tổng số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.
3. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của HĐQT và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và

vi lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ và ĐHCĐ quy định.
2. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch có liên quan

1. Trừ các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo Điều lệ và quy định pháp luật, HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu có), Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát) về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát) ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát);
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
Thời hạn triệu tập và trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của HĐQT từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định. Trường hợp HĐQT quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này.
2. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng nên đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 17. Cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT
Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường
Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát) hoặc Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo mời họp
Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất một ngày. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
8. Điều kiện tiến hành họp
Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
9. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến
Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này.

Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Công khai lợi ích

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp

thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Nguyên tắc biểu quyết đa số

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên HĐQT) phải được gửi cho bộ phận thư ký HĐQT chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên HĐQT phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm "đồng ý/phản đối/không có ý kiến". Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 18. Biên bản họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.
2. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Họ, tên, chữ ký của những người sau:
- Có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên HĐQT tham gia họp; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG IV. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

1. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
2. Báo cáo tài chính;
3. Các báo cáo khác theo quy định pháp luật.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT.
2. Thành viên HĐQT phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem

xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

4. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, các thành viên HĐQT có thể đề xuất lên Chủ tịch HĐQT để xem xét, quyết định trình ĐHĐCĐ sửa đổi.
2. Trong trường hợp các qui định của Điều lệ Công ty liên quan đến HĐQT thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động HĐQT nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác.
4. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT Công ty.

Điều 26. Hiệu lực

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX nhất trí thông qua, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này ngày 18 tháng 06 năm 2021.

2. Quy chế này do Chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành.
3. HĐQT, Tổng Giám đốc và tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA 


Nguyễn Hoa Cường


CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX**

(Sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số *02*/2021/GELEX/NQ-DHĐCĐ ngày 18 tháng 06 năm 2021)

HÀ NỘI, tháng 6 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của TẬP ĐOÀN GELEX.....	5
Điều 3. Nguyên tắc quản trị TẬP ĐOÀN GELEX	5
Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt.....	5
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Mục 1. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..	9
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 9. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền.....	10
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu	12
Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	12
Điều 15. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp).....	13
Điều 16. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
Mục 3. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	15
Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	15
Mục 4. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.....	17
Điều 20. Giải thích thuật ngữ liên quan.....	17
Điều 21. Tổ chức Đại hội trực tuyến	18
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến	18

Điều 23. Xác nhận tư cách cổ đông, tham dự, thảo luận tại Đại hội trực tuyến.....	19
Điều 24. Bỏ phiếu điện tử.....	19
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Mục 1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	19
Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	20
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 29. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	25
Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	25
Điều 37. Thường trực HĐQT	29
CHƯƠNG IV. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Điều 38. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị.....	31
CHƯƠNG V. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN	31
Điều 39. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán.....	31
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	32
CHƯƠNG VI. LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	33
Điều 41. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác	33
Điều 42. Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác	33
Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	34
Điều 44. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.....	34
CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	34

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ngợi quyết, xin ý kiến	34
Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.....	35
Điều 47. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc.....	36
Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên.....	36
CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 49. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	37
Điều 50. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	37
Điều 51. Khen thưởng	37
Điều 52. Xử lý vi phạm và kỷ luật	38
CHƯƠNG IX. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
Điều 53. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	38
Điều 54. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	38
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty	38
CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	39
Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	39
Điều 57. Hiệu lực.....	39

123456789101112131415161718192021222324252627282930313233343536373839404142434445464748495051525354555657585960616263646566676869707172737475767778798081828384858687888990919293949596979899100

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX (“TẬP ĐOÀN GELEX”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều lệ Công ty và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của TẬP ĐOÀN GELEX và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX

Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của TẬP ĐOÀN GELEX

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị (có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị)
3. Tổng Giám đốc.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị TẬP ĐOÀN GELEX

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến TẬP ĐOÀN GELEX.
5. Minh bạch trong hoạt động của TẬP ĐOÀN GELEX.
6. Hội đồng quản trị lãnh đạo TẬP ĐOÀN GELEX có hiệu quả.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Định nghĩa

- a. Ban Tổng giám đốc: Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
- b. Ban Điều hành: Bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và

- các Giám đốc chuyên môn.
- e. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - d. Người điều hành doanh nghiệp: là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng
 - e. Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
 - f. Điều lệ: là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX.
 - g. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.
2. **Các từ viết tắt**
- a. TẬP ĐOÀN GELEX/Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX
 - b. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
 - c. HĐQT : Hội đồng quản trị.
 - d. TGD : Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường.
- 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Thông qua Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - e. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - i. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - j. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - k. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - l. Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
 - m. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - n. Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - o. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - p. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán với giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b. Báo cáo tài chính năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
- 2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ

- đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

TẬP ĐOÀN GELEX phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông

có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 9. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của TẬP ĐOÀN GELEX. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về TẬP ĐOÀN GELEX (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp hoặc đăng tải trên website của TẬP ĐOÀN GELEX) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, TẬP ĐOÀN GELEX phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, TẬP ĐOÀN GELEX cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ.

- Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
 - Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể được lập theo mẫu của Công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu).
 3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
 4. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp pháp của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
 5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ hay không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định.
2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp)

1. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu ("V" hoặc "X") vào ô biểu quyết "Không tán thành" trên thẻ biểu quyết.
2. Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu thẻ biểu quyết không tán thành việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển thẻ biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.
3. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
4. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thuê tổ chức thẩm định giá như nêu trên do cổ đông thanh toán.

5. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 16. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của TẬP ĐOÀN GELEX.
3. Việc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân theo quy định tại Mục 4 Chương II Quy chế này.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ ngày ghi trên Nghị quyết theo quy định của pháp luật liên quan.

Mục 3. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc vấn đề sau đây:
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của TẬP ĐOÀN GELEX và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích lấy ý kiến;

- ✓ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc số giấy tờ pháp lý khác của cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - ✓ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - ✓ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - ✓ Thời hạn phải gửi về Công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu tổ chức có con dấu).
- e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- ✓ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ✓ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về TẬP ĐOÀN GELEX qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- f. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- g. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của người phụ trách quản trị Công ty hoặc Chủ tịch Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - ✓ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - ✓ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - ✓ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- h. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của TẬP ĐOÀN GELEX trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của TẬP ĐOÀN GELEX.
- j. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

Điều 20. Giải thích thuật ngữ liên quan

1. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ tương tự.
2. Đại hội trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
3. Đại hội truyền thống là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
4. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
5. Tài khoản truy cập là những thông tin cần thiết như tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác của mỗi cổ đông, được sử dụng để đăng nhập/truy cập tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
6. Hệ thống là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

Điều 21. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội truyền thống theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Hội đồng quản trị được chủ động triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.
2. Việc triệu tập họp Đại hội trực tuyến, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp, điều kiện tiến hành Đại hội, điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội, lập Biên bản họp Đại hội vẫn tuân thủ theo như các quy định về tổ chức Đại hội truyền thống.
3. Căn cứ theo cách thức tổ chức Đại hội trực tuyến cụ thể, Ban tổ chức đại hội gửi nội dung hướng dẫn cách thức đăng ký và/hoặc xác nhận tư cách cổ đông đến cổ đông và/hoặc đăng tải nội dung hướng dẫn chung trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Hội đồng Quản trị được quyền ban hành các hướng dẫn/quy định cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với yêu cầu của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến khi tổ chức Đại hội.
5. Đại hội sẽ thông qua quy chế họp Đại hội trực tuyến/quy chế làm việc tại Đại hội trực tuyến phù hợp tại mỗi lần Đại hội trực tuyến nếu cần thiết.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông phải tuân thủ các hướng dẫn liên quan đến công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nhằm đảm bảo cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến được diễn ra một cách có trật tự, ổn định, hợp lệ.
2. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
3. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Việc tham dự tại Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như việc tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội truyền thống.
4. Cổ đông được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cấp/thông báo/hướng dẫn hoặc thực hiện các phương thức đăng ký, xác thực khác theo hướng dẫn của Công ty để đăng nhập vào Hệ thống, tham gia Đại hội trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập hoặc các thông tin dùng để xác thực cổ đông của mình truy cập vào Hệ thống trong suốt thời gian diễn ra đại hội.
5. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập hoặc các yếu tố định danh khác để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội

trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo phương thức truy cập đã được cấp.

6. Cổ đông chịu trách nhiệm khi cố ý sử dụng công nghệ để gây gián đoạn cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thay đổi kết quả bỏ phiếu điện tử.
7. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất khỏi Hệ thống.

Điều 23. Xác nhận tư cách cổ đông, tham dự, thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.
3. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội.

Điều 24. Bỏ phiếu điện tử

1. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của Công ty.
2. Ý kiến biểu quyết được Hệ thống ghi nhận ngay trước thời điểm kết thúc biểu quyết cho từng vấn đề tương ứng là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
3. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa sẽ thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình.
4. Các nội dung cụ thể liên quan đến việc bỏ phiếu điện tử tuân theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội và/hoặc quy chế họp Đại hội trực tuyến/quy chế làm việc tại Đại hội trực tuyến.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục I. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
2. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị:
Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ nói chung của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm thành viên Ủy ban kiểm toán có các trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân

hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty;

- c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết;
 - e. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo quy định pháp luật.
 4. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty để phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc yêu cầu cung cấp thông tin không được làm gián đoạn, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
 5. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do các văn bản nội bộ khác của Công ty quy định.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 đến 07 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời điểm do Hội đồng quản trị đề xuất và Hội đồng quản trị được tổ chức triển khai các thủ tục đề cử, ứng cử theo số lượng đề xuất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới

được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
3. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. **Đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.

2. **Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

Người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, thoả mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

3. **Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử**

Hồ sơ ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của TẬP ĐOÀN GELEX trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm họp và ra quyết định đề cử/giới thiệu bổ sung ứng viên với điều kiện ứng viên được đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT như quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đề cử/giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.
2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của TẬP ĐOÀN GELEX để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của TẬP ĐOÀN GELEX nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ:
Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
2. Các cuộc họp bất thường:
Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác

- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Địa điểm họp:
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp:
- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
9. Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho bộ phận thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/phản đối/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị.
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
10. Hình thức biểu quyết
- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ

trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của TẬP ĐOÀN GELEX. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với TẬP ĐOÀN GELEX và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với TẬP ĐOÀN GELEX, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày

kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
15. Căn cứ vào Biên bản họp, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định thì TẬP ĐOÀN GELEX có trách nhiệm công bố thông tin.

Điều 37. Thường trực HĐQT

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị, bao gồm một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị cử ra nếu xét thấy cần thiết để thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết, quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp và/hoặc xử lý các công việc, giao dịch theo phân quyền chi tiết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Hội đồng quản

trị chỉ định một trong số các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị làm Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị.

2. Thường trực Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm cá nhân. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của mình theo nguyên tắc:

a. Các quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị thông qua theo các phương thức sau:

- Các thành viên bàn bạc dân chủ tại cuộc họp trực tiếp; hoặc
- Được tổ chức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản (gửi thư/văn bản lấy ý kiến qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp, hoặc thông qua hệ thống thư điện tử (email) của Công ty); hoặc
- Được tổ chức họp qua điện thoại có ghi âm; hoặc
- Các hình thức họp khác phù hợp với quy định pháp luật; hoặc
- Tổng hợp một số phương thức trên.

Nguyên tắc tổ chức họp trực tiếp, họp qua hội nghị trực tuyến hoặc lấy ý kiến từ xa bằng văn bản của Thường trực HĐQT được áp dụng tương tự như đối với trường hợp họp HĐQT theo quy định tại Điều 36 Quy chế này.

b. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định theo đa số, trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu biểu quyết nhất trí, tán thành của Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị/ thành viên được Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị ủy nhiệm chủ tọa phiên họp là quyết định được thông qua.

c. Quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản/email/hội nghị trực tuyến có giá trị hiệu lực như đối với quyết định được thông qua trực tiếp tại cuộc họp Thường trực Hội đồng quản trị, với điều kiện các cuộc họp hoặc lấy ý kiến đó được tiến hành theo quy định tại các Quy chế này và Điều lệ Công ty.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị:

a. Thường trực Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị thường xuyên nắm tình hình hoạt động của Công ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị;

b. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực hiện

- các nghị quyết/quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị;
- c. Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn để báo cáo hoặc cùng đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị ra quyết định;
 - d. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

CHƯƠNG IV. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 38. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh quy định tại Chương này để sửa đổi, bổ sung thêm các nội dung cụ thể về cơ cấu của tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên tiểu ban đó.

CHƯƠNG V. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 39. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, tài chính, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ điều kiện làm thành viên Ủy ban kiểm toán hoặc Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có quyền tự ứng cử để Hội đồng quản trị xem xét bổ

nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử một hoặc một số thành viên trong Hội đồng quản trị đáp ứng đủ điều kiện làm thành viên Ủy ban kiểm toán hoặc Chủ tịch Ủy ban kiểm toán để Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

5. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát Ban kiểm toán nội bộ;
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
14. Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VI. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 41. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc
Tổng giám đốc Công ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn của những người điều hành khác
 - a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
 - b) Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
 - c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, cẩn thận trong công việc;
 - d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
 - e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 42. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc
 - a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
 - b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động

- c) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.
2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác
- a) Công ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- b) Những người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;
 - Tự lợi cá nhân;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.
- c) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này tuân theo quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành Công ty từng thời kỳ.

Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được chi trả theo quy định của Hợp đồng lao động, quy định nội bộ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại TẬP ĐOÀN GELEX và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/nghị quyết, xin ý kiến

1. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các khách mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo

mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành hoặc quy định nội bộ của Công ty. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, để báo cáo.
3. Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Thường trực HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.
4. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để Tổng Giám đốc điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5. Hội đồng quản trị có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Tổng Giám đốc.
6. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyền trao đổi, báo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty hoặc quyền lợi của TẬP ĐOÀN GELEX, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty; Công ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật; Công ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Công ty; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của TẬP ĐOÀN GELEX; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Công ty có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện Công ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

Điều 47. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc

1. Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc báo cáo kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, Thường trực HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị:
 - Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT biết về rủi ro này.

CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.
3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 50. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:
 - Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:
 - Tự nhận xét đánh giá.
 - Cách thức khác do HĐQT/ Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.
3. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 51. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành TẬP ĐOÀN GELEX và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và TẬP ĐOÀN GELEX.

1. Đối với HĐQT, Ủy ban kiểm toán: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. HĐQT thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 50 Quy chế này.
2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của TẬP ĐOÀN GELEX tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 52. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ TẬP ĐOÀN GELEX và các quy định khác có liên quan của TẬP ĐOÀN GELEX, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của TẬP ĐOÀN GELEX.
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của TẬP ĐOÀN GELEX từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của TẬP ĐOÀN GELEX.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.

Điều 54. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại TẬP ĐOÀN GELEX và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 57. Hiệu lực

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua sửa đổi tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 06 năm 2021 và do chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành.
2. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Trên cơ sở Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban

hành các quy chế nội bộ của công ty phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của công ty để triển khai thực hiện.

4. HĐQT, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA 

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

